

# THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

## QUYỂN 5 (PHẦN ĐẦU)

**Luận:** Hằng y tâm khởi v.v...

Có nghĩa vặn hỏi rằng: Thọ y tâm khởi thọ gọi là tâm sở. Tâm y thọ v.v... sinh nên gọi là thọ đẳng sở. Lại thọ v.v... bốn nghĩa gọi là tâm sở, tâm cũng có bốn nghĩa đủ nên gọi là thọ đẳng sở, như trong sở dùng hai ba nghĩa ấy lựa chọn, nhưng trong sở nói lẽ ra gọi là tâm sở, điều này không đúng, đã dùng tâm vương mong thọ mà nói, vì sao vẫn nói là làm tâm sở.

**Biện rằng:** Tâm sở là gọi chung, do y đối với tha bốn nghĩa khác lập đủ. Sở lấy tên chung tâm vương, tâm sở để nêu bày, do tâm y tha đủ bốn nghĩa, không căn cứ biệt biệt thọ v.v... làm vặn hỏi.

Hỏi: Luận đã tự nói hằng y tâm v.v... gọi là tâm sở, tâm không y tâm vì sao vặn hỏi nói nên gọi là tâm sở?

Đáp: Y nơi tâm hiển bày y chẳng phải mình y chẳng phải mình nên được tên tâm sở, tâm y cũng vậy, vì sao chẳng phải tâm sở? Trong sở y lý trách, nếu không như vậy tổng tâm, mà thọ v.v... sai khác, biệt tổng không đồng, vặn hỏi không đồng. Nay thêm một vặn hỏi thọ v.v... y tâm khởi, từ y gọi là tâm sở, tâm y tâm sở sinh nên gọi là tâm sở, còn các vặn hỏi khác chuẩn theo đây. Điều này không trái với luận, cũng không có chung riêng, không có lỗi đồng.

**Luận:** Tức các tâm sở sở thủ biệt tướng.

Hỏi: Du-già chỉ nói tác ý rõ chỗ này, tướng chưa rõ vì sao biết được? Sở chưa rõ là các tâm sở sở thủ biệt tướng?

Đáp: Các tâm sở v.v... sở thủ biệt tướng, đều là tâm vương sở chưa liễu tướng, đã nói tác ý liễu đây chưa liễu, rõ biết các sở sở thủ biệt tướng đều năng liễu.

**Sớ:** Luận Hiển Dương quyển 18 có bài tụng v.v...

Xét bài tụng ấy ghi: Y nhiều cảnh liễu biệt, đều là tự nghiệp sinh, tâm pháp không ứng tư, vì cảnh tương tự chuyển. Luận nói tâm sở hữu

pháp y chỉ năng duyên nhiều cảnh vì tám loại thức, mỗi mỗi tạo tác tự nghiệp mà khởi, y tâm mà có nên gọi là tâm sở hữu pháp, không nên lại suy nghĩ cảnh sở duyên kia, do nó cùng thức duyên chuyển.

Giải thích: Chỉ dùng một nghĩa lập tên tâm sở, nói đồng duyên chuyển, rõ ràng tâm sở ấy cũng là duyên tổng tướng.

**Luận:** “Chỗ khác lại nói” đến “các tướng lỗi của đức”.

Luận Trung Biên quyển 1 chỉ nói tâm sở cũng duyên biệt tướng, trong Du-già quyển 3 chỉ nói duyên biệt cảnh có thể vui v.v... mà không có chữ “cũng”. Hai luận hợp dẫn cho nên nói cũng năng liễu có thể vui đồng.

Hỏi: Tâm lấy tổng tướng, sở thông tổng biệt, vì sao nói được đồng một sở duyên?

Đáp: Có nghĩa nói đồng sở duyên, tổng luận cảnh này, không nói cảnh này biệt tướng cũng đồng. Lại tâm vương, tâm sở thủ nghĩa tổng biệt tổng mà làm bốn giải thích:

1. Tâm chỉ có lấy tổng, tâm sở chỉ có biệt, các luận đều nói thức liễu tổng tướng, trong Du-già chỉ nói tâm sở liễu này chưa liễu tướng, không nói liễu tổng, luận này tuy nói biểu tâm sở đây cũng duyên tổng tướng, ý của người giải thích luận là không nương.

2. Tâm vương chỉ có lấy tổng tướng, sở thủ tổng biệt, trong Đại luận, luận Trung Biên như luận chủ giải thích đã có nói lý thành thật không thể trái.

3. Tâm sở đồng với sư thứ hai ở trước, tâm vương cũng duyên hai tướng tổng biệt, cho nên ở sau luận nói: Thọ năng lãnh nạp cảnh thuận, nghịch, không thuận không nghịch, khiến các tâm khởi vui thích xả tướng, nếu cũng rõ cảnh nghịch, thuận, không nghịch không thuận, vì sao có thể khởi xả tướng ưa thích? Giải thích các tâm sở đều có khiến tâm lấy nghĩa biệt tướng, văn luận trên dưới có rất nhiều, nên biết tâm vương cũng duyên biệt tướng. Các thuyết trong Đại luận đều đứng về tự lực tâm vương mà nói, giả như không có tự lực tâm sở thì không thể lấy biệt tướng, như vua nhân nơi bề tôi mà có thể biết được việc khác, nếu không nhờ bề tôi tức không thể biết.

4. Tâm vương đồng với sư thứ ba trước, tâm sở chẳng phải chỉ duyên tự biệt tướng, như tâm năng duyên tất cả biệt tướng, các pháp tướng ứng, pháp nhĩ đồng duyên chỉ có một việc của cảnh, nếu không như vậy vì sao nói khiến các tâm khởi ưa thích? Đã nói các lỗi, cho nên biết biệt tướng tâm sở đều lấy. Tuy có bốn cách giải thích khiến y nơi thuyết sau, các pháp tướng tương ứng sức mong nhau đồng, vì có duyên,

không duyên, không đúng lý. Luận nói các thọ sở thủ sai biệt, hơn nữa đứng về tự hành sở thủ mà nói, dùng thật mà nói, do sức tương ứng hỗ tương lấy sở duyên, đều không trái lý.

Hỏi: Do sức tương ứng, cùng lấy sở duyên, cũng do hành tướng tương ứng hỗ tương khởi, các thọ lẽ ra khởi các hành lấy tướng?

Đáp: Các tâm cảnh đồng sức tương ứng, hành tướng nói biệt, các thọ không đồng. Lại giải thích do sức tương ứng năng khởi các hành thọ khiến các tâm khởi vui mừng, lại nương thù thắng mà nói, nhưng nói khiến tâm, lý thật cũng khiến các thọ ghi nhớ rõ ràng.

Hỏi: Đã vậy đồng tự tâm tâm sở hành, hành tướng đều đồng nên thành tạp loạn?

Đáp: Hành tướng, cảnh tướng bao gồm chánh không đồng cho nên không trái lý. Quyển 2 ghi: Tâm tâm sở pháp hành tướng đều sai biệt. Quyển 3 ghi: Chớ đụng chạm năm thức năng liễu biệt, y nơi chánh hành mà nói, đều không trái nhau.

**Biện rằng:** Nay căn cứ quyển 2, luận Du-già, Trung Biên, các văn Duy thức có nói đủ, còn ba giải thích khác đã không phải nói đúng, vốn là vặn hỏi nương chuẩn theo, không thể phạm tình gượng khế hội ý chỉ bậc Thánh, văn sau tự nói: Thọ năng lãnh nạp cảnh thuận, nghịch, không thuận không nghịch, không nói tâm lấy cảnh thuận nghịch. Các tâm sở nói, khiến cho tâm đồng, đến văn đó sẽ hiểu. Lại chuẩn theo đâu để biết căn cứ chánh hành? Thứ hai, thứ ba trước nói: hành tướng tâm tâm sở đều sai biệt, không có xúc v.v... năm thức năng liễu ư? Trong bản giáo không nói, lẽ nào chẳng phải ý sao? Xin xét rõ điều này, đừng làm mê lầm cho hậu học!

**Luận:** “Lãnh tướng thuận cảnh” đến “không khổ không vui”.

Hỏi: Thân thức đồng thời lãnh thọ cảnh thuận nghịch, vì sao thọ tương ứng?

Đáp: Trong truyện nói có hai giải thích:

1. Không có đồng thời năng lãnh thọ hai cảnh, cho nên tùy theo một mà đồng thời.

2. Tức trong một thời năng lãnh thọ hai cảnh cảnh đều đến, tùy theo cảnh thù thắng ấy chỉ có một thọ chung, như năm thức đồng thời với ý tùy theo cảnh nào thù thắng mà thọ đồng thời, cho nên đây lẽ ra cũng vậy.

Hỏi: Thọ có năm thọ, ý nào hợp.

Đáp: Hỷ, lạc ưu, khổ vui thích tương tự, cho nên hợp thành ba.

Hỏi: Nếu vậy vì sao không nói hỷ ưu xả?

Đáp: Do khinh theo trọng, do hẹp theo rộng, vui khổ thông ở nhiều địa thức.

**Sớ:** “Đối Pháp” đến “tập sắc sở y”.

Xét luận ấy ghi: Tập sắc sở y kiến lập thân thọ, tập Vô sắc sở y kiến lập tâm thọ.

Giải thích: Thân tâm đều do tích tập làm nghĩa, cho nên Sắc vô sắc đều nói tập. Từ hai sở y được xứng hợp thân tâm.

Hỏi: Thức thứ sáu y Thức thứ bảy, Thức thứ bảy vì sao gọi là tâm mà không có nghĩa tập?

Đáp: Sát-na tương tục trước sau rất nhiều gọi là tích tập, hoặc căn cứ bản thức, hoặc trong ý căn thông Thức thứ bảy, thứ tám nên gọi là tập tâm.

**Sớ:** Thọ rộng căn hẹp.

Như ba thọ môn, khổ lạc hai thọ bao hàm ưu hỷ, mà nói căn thì liền không như vậy, hai mươi hai căn hỷ, lạc, ưu, khổ đều lập riêng, cho nên rộng hẹp có sai khác.

**Sớ:** Không câu khởi cho nên không thuộc Vô lậu.

Hỏi: Phạm tâm Vô lậu ấy có khinh an, khinh an đều vui thích, đồng thời năm thức vì sao được có khổ?

Đáp: Thức tương ứng vui thích mà khổ không có, năm thức không tương ứng thì khổ nào có lỗi.

**Sớ:** Nếu hồ tương hiển tùy theo thích ứng kia.

Bảy sắc, mạng căn cứ không sinh đoạn, do hiển tín v.v... cũng thông kiến đoạn mà vận hỏi, Địa tiền tín v.v... tám kiến đạo đã hằng không sinh, tín v.v... duyên trói buộc mà hiển bày bảy sắc, nhưng không gọi là kiến đoạn, hay trói buộc hữu.

**Sớ:** “Không thể nói sáu” đến “Vô học thân có”.

Lập lại người ngoài để nói rõ, ý nói rằng: Vô học học viên mãn được gọi là phi đoạn, mạng ở nơi thân ấy chẳng phải đoạn thì đâu có lỗi gì.

**Sớ:** Năm căn lẽ ra cũng như vậy v.v...

Sớ chủ chất vấn, Vô học cũng có sắc v.v... năm căn, năm căn lẽ ra cũng thông với bất đoạn, đây đã không như vậy, kia vì sao như vậy.

Hỏi: Chẳng phải sở đoạn, lý có hai nghĩa: Một là có tánh trong thân Vô học, trong thân Vô lậu gọi là Vô lậu, cũng gọi là phi đoạn. Hai là thể Vô lậu cũng là Vô lậu, mà chẳng phải là đoạn, Vô học sắc căn thừa nhận chẳng phải đoạn, điều này có lỗi gì?

Đáp: Căn cứ thể Vô lậu và thuận Vô lậu gọi là phi đoạn, không y

nghĩa ban đầu.

Hỏi: Phật sắc, mạng căn lẽ nào chẳng phải là Vô lậu, vì sao tám căn không thông phi đoạn?

Đáp: Thông ba Thừa để nói rõ, cho nên chẳng phải phi đoạn.

**Luận:** Lại học Vô học chẳng phải hai mà là ba.

Xét luận Du-già quyển 57 ghi: Có bao nhiêu học học làm nghĩa.

Giải thích: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu học, lại dùng học v.v... mà làm nghĩa cảnh. Luận đáp: chín học, vô học, phi học phi Vô học, do ba loại thành nghĩa.

Giải thích: Tín v.v... năm căn ý hỷ lạc xả lại do học v.v... ba loại thành nghĩa, một thông ba loại phi học phi Vô học thành nghĩa.

Giải thích: Một là khổ căn, năm thức tương ứng cho nên không do học Vô học thành nghĩa, chuẩn theo đây nên biết ba thọ thông tam học.

Hỏi: Khổ v.v... thể lậu, vì sao gọi là học Vô học?

Đáp: Ở các học thân có chỗ tiến đến cũng gọi là học, cho nên quyển 66 ghi: Thế nào là học pháp? Nghĩa là Dự lưu v.v... hữu học Bồ-đặc-già-la, nếu xuất thế pháp Hữu vi hoặc thiện pháp thế gian này gọi là học pháp, vì sao nương pháp này ở trong đó thường thường tinh tấn tu học các giới v.v.. tam học? Thế nào là Vô học? Nghĩa là A-la-hán các lậu đã hết nếu xuất thế pháp Hữu vi hoặc thiện pháp thế gian này gọi là Vô học pháp, nghĩa là trước trừ chỗ nói học Vô học pháp, còn Dự lưu nhân đến pháp La-hán, nếu đọa vào tất cả dị sinh các pháp sở hữu, phải biết đây gọi là phi học phi Vô học pháp.

Lại Đối Pháp quyển 2 ghi: Cầu giải thích thoát là tất cả thiện pháp là nghĩa học, đối với các học xứ đã được cứu cánh, tất cả thiện pháp là Vô học, nghĩa là các pháp dị sinh tất cả ba tánh và các học nhiễm ô Vô ký, các Vô học là các pháp Vô ký và pháp Hữu vi, là phi học phi Vô học. Đối Pháp thông ở trước nói cầu giải thích thoát, Du-già căn cứ thù thắng nói trên kiến đạo, người làm luận ý cũng không trái.

Hỏi: Pháp thế gian trong thân Vô học, nghĩa nào cũng gọi là Vô lậu ư?

Đáp: Căn cứ không phiền não, cho nên quyển 66 hỏi: Thế Thiện La-hán, do nhân duyên nào gọi là Vô lậu? Đáp: Đọa trong ba cõi nên gọi là hữu sở nhiếp, các lậu tùy miên hằng giải thích thoát nên gọi là Vô lậu.

**Sớ:** Các chỗ khác không phát khởi ác hạnh.

Luận ấy chỉ nói các chỗ khác là hữu phú Vô ký không phát khởi

ác hạnh, thân biên v.v... như số giải thích.

**Số:** “Quyển 58” đến “chuẩn theo không phát nghiệp”.

Xét luận ấy ghi: “Câu sinh Tát-ca-da-kiến chỉ có tánh Vô ký vì thường hiện hành, chẳng phải rất tổn não ở tự tha”. Trong luận Đối Pháp ghi: “Các Vô ký là phát các nghiệp, câu sinh thân kiến đã là tánh Vô ký, rõ ràng thuộc về chỗ khác. Không thể phát nghiệp, thân kiến đã vậy, biên kiến cũng vậy, định tùy theo có, cho nên không luận đến.

**Số:** “Ý thức bấy giờ” đến “bất thiện vô phú”.

Hỏi: Nếu đã dẫn năm thức phải cùng năng dẫn Thức thứ sáu đồng tánh, vì sao năm thức ba tánh thừa nhận đồng thời?

Đáp: Nay trong này ý không được sở dẫn cùng ý năng dẫn thuận là dị tánh, chẳng phải là quyết định khiến cho ý đồng tánh, hoặc thuận ba tánh không đồng với sư.

**Luận:** “Do không phân biệt” đến “có phân biệt”.

Số đã giải thích, ý nói đứng về thức bức bách vui thích sai biệt, cho nên thành lạc hỷ khổ, ưu v.v... sai biệt, không chương ý thức có vô phân biệt, nhẹ nhàng, chỉ có động gọi là khổ vui.

Có không hiểu liền vặn hỏi: Sư sau giải thích, không chỉ năm thức bức bách vui thích, càng nặng không phân biệt, trong ý khổ vui cũng không phân biệt vì rất nặng, như ở sau luận có nói rõ, cho nên tổng nói phân biệt rất nặng gọi là ưu hỷ. Không phân biệt, nhỏ nhẹ gọi là khổ lạc.

**Biện rằng:** Tìm số trước có nói rõ, biết ở sau phá lỗi.

**Luận:** “Không khổ không vui” đến “bình đẳng chuyển”.

Hỏi: Vả có trái thuận tức thành bức bách vui thích, vì sao gọi là bình đẳng?

Đáp: Lý thật đều là nghĩa sai biệt, tương vi tế ẩn, cho nên không khai.

**Số:** “Du-già cuối quyển 57” đến “mười một căn”.

Xét luận ấy ghi: Vị chí địa mấy căn có thể được?

Đáp: Mười một.

Giải thích: Nghĩa là tín v.v... năm pháp, ba Vô lậu căn, và ý hỷ xả. Có thuyết nói: Trừ ý lấy lạc, lý thật nên nói có mười hai căn, cũng có ý, nhưng không nói ý căn thông hiển tám thức tự tánh, trong Vị chí địa chỉ có Thức thứ sáu, cho nên lược không nói.

**Biện rằng:** Nay lấy giải thích trước, phàm có tâm sở như có tâm vương, nếu không nói ý, sợ rằng nghi có tâm sở mà không có tâm vương, dù không có lạc nhưng lý vẫn không ngăn ngại.

Hỏi: Vì sao không nói có nhãn v.v... và mạng?

Đáp: Không nương nó sinh nên không nói có.

Hỏi: Chỉ nói mười một, vì sao biết được hỷ có tám?

Đáp: Tức luận ấy ghi: Hỷ đối với nó mà có.

Hỏi: Giáo nào làm chứng?

Đáp: Như Thế Tôn nói: Như vậy Bi-sô Ly sinh hỷ lạc tư nhuận thân mình, tư nhuận khắp, biến khắp vui khắp, không có chút phần nào mà không đầy đủ, như vậy gọi là Ly sinh hỷ lạc. Trong này môn đầu nói vị Vị chí, môn sau nói Căn bản vị.

Giải thích: Trong kinh đều nói chưa có căn bản, Ly sinh hỷ lạc tư nhuận thân là môn đầu, cùng khắp v.v... ở sau là môn sau. Cho nên biết trong mười một, hỷ là một, luận Hiển Dương, Đối Pháp rất đồng nên không chép.

Hỏi: Căn bản định ban đầu vì sao một thọ phân thành hỷ lạc?

Đáp: Như trong Nghĩa Đăng có chép đủ, có nghĩa lẽ ra khi trước sau khởi sai biệt, nghĩa là có lúc thân vui không khắp chỉ gọi là hỷ, lúc bấy giờ cùng khắp gọi là lạc.

**Biện rằng:** Luận này tự nói vì thân tâm vui, biện rõ hai việc hỷ lạc đã trái sở học cho nên không nương.

Hỏi: Căn bản ban đầu và thứ hai, thân tâm cả hai vui thích phân thành hỷ lạc, lia khổ thọ xứ bức bách thân tâm nên phân ra ưu não?

Đáp: Như trong Nghĩa Đăng ghi: Nghịch thuận khác nhau, chủng loại có đồng và biệt, nên giải thích nghi này.

Lại giải thích căn bản thứ nhất và thứ hai năm thức vui thích căn phát động ý phân ra làm hai, tạp thọ năm thức hoàn toàn ý bức ép, ý ưu nên không không phân làm hai.

**Luận:** Tĩnh lự thứ ba v.v...

Hỏi: Thứ ba phân bản lẽ nào không có căn vui thích, căn nếu vui thích vì sao không nói ư?

Đáp: Hai định trước sẽ động khởi cho nên căn ưa thích mới lạc, thế nên nêu nói, thứ ba an tịnh, không chỉ có đối căn mới gọi là lạc, cho nên mới nói. Tĩnh lự thứ ba không chỉ đối với căn mới gọi là lạc, cho nên không nói, lý thật căn ưa thích còn ở trước.

**Sớ:** “Quyển 66 có thông luận này”.

Trong quyển 66 cũng nói bằng sinh khổ ưu tương tục, cho nên luận ấy ghi: Sinh loại hữu tình Na-lạc-ca, dị thực vô gián có dị thực sinh khổ ưu tương tục, như vậy nếu sinh một phần ngã quý và trong bằng sinh, phải biết cũng như vậy.



**Sớ:** “Quyển 57 nói cùng địa ngục đồng”.

Tức luận ấy nói, còn ba hiện hành khác cho nên không thành tựu, chủng tử cho nên thành thực, như sinh đường Na-lặc-ca một bề khổ, bàng sinh, ngạ quỷ phải biết cũng vậy. Lại quyển 66 nói dị thực vô gián v.v... cũng có ba đường không đồng, như trước đã dẫn.

**Sớ:** “Một căn thiện bất thiện v.v... ”.

Xét luận ấy ghi: Tám thức chỉ có thiện. Thiện, bất thiện, Vô ký thành nghĩa. Năm thiện, bất thiện, Vô ký. Thiện, bất thiện, Vô ký thành nghĩa. Một thiện, bất thiện; thiện, bất thiện, Vô ký làm nghĩa. Năm Vô ký, Vô ký làm nghĩa. Hai Vô ký, thiện, bất thiện, Vô ký làm nghĩa.

Giải thích: Tám nghĩa là tám v.v... và ba Vô lậu. Năm nghĩa là năm thọ trừ ưu lấy ý. Một nghĩa là ưu căn. Lại năm nghĩa là thân, nam, nữ, tử, thiệt. Một nghĩa là nhãn nhĩ. Căn cứ biểu nghiệp mà nói, mạng bất tương ứng cho nên không nói nghĩa.

**Luận:** “Luận nói ưu căn chẳng phải Vô ký” đến “bàng sinh cũng vậy”.

Có nghĩa nay trợ giúp sư trước chống chế vặn hỏi thứ nhất rằng: Luận tùy chuyển lý, nói thiện bất thiện, thật thông Vô ký. Sau chống chế vặn hỏi rằng: Ưu là thứ tám, xả là thứ ba, nói ưu định thành là nương phần nhiều mà nói, nghĩa là trừ sinh tử, các vị khác ưu căn hằng tương tục.

**Biện rằng:** Nay trợ giúp sư sau vặn hỏi sư trước rằng, luận căn cứ việc gì phải tùy theo thiếu ý, lại chủ bỏ khách nào không thủ, lẽ nào không chủ ý mà nêu bày nhau ư? Lại xả chủ vì sao bỏ mà không lấy, lẽ nào không chủ ý mà cùng ví dụ chẳng? Lại bày pháp khác thành không căn cứ phần nhiều, vì sao riêng ưu căn đứng về phần nhiều? Cho nên chống chế chưa được.

**Sớ:** Tám căn hiện chủng đều thành tựu.

Hỏi: Mạng căn, y Thức thứ tám chủng mà lập, vì sao nói Thức thứ tám đều hiện chủng thành?

Đáp: Hiện Thức thứ tám gọi là mạng, tám chủng gọi là căn hợp lại mà nói mạng căn, cho nên thông chủng hiện.

**Sớ:** Vì thuần ánh sáng của khổ.

Xét luận ấy ghi: Nếu Na-lặc-ca v.v... thì trong đó đã đoạt mất ánh sáng, không khổ không lạc thọ cùng thuần khổ không xen tạp, thọ đồng thời mà chuyển, phải biết thọ này bị ánh sáng đoạt mất nên khó có thể rõ biết, như Na-lặc-ca trong đó một bề khổ thọ đồng thời chuyển.

Giải thích: Đẳng là nói đồng với thuần khổ quý súc kia, Lại-da



trong ấy tuy có xả thọ, vì trong các thức khổ thọ rất thanh, đoạt mất ánh sáng không hiện cho nên nói khổ thọ, một bề khổ thọ căn cứ thừa nhận thọ mà nói, lược không nói xả.

**Luận:** Không có dị thực lạc gọi là thuần khổ.

Đây giải thích chiết vận hỏi, ý vận hỏi nói: Có Đẳng lưu lạc vì sao gọi là thuần khổ, nên nay đáp rằng: Mong vô dị thực được tên thuần khổ.

**Sớ:** Cho nên trong Du-già quyển 59 nói quyển 58 ấy v.v...

Hiện bày quyển 59 khế hội với quyển 58. Nói trong ý giận lo tương ứng y theo tùy chuyển v.v... Xét quyển 58 ghi: Lại mười phiền não, bảy chỉ có ý địa, tham, khuể, vô minh cũng thông năm thức, lại đối với Dục giới tham lạc hỷ xả tương ứng, khuể khổ ưu xả tương ứng.

Giải thích: Khổ căn cứ năm thức, ưu chỉ có Thức thứ sáu, xả thông sáu thức. Lại quyển 59 ghi: Nếu mặc tình sinh tất cả phiền não, đều ở ba thọ hiện hành có thể được, thế nên thông tất cả thức thân là cùng tất cả căn tương ứng, không thông tất cả thức thân là cùng ý địa tất cả căn tương ứng, không mặc tình sinh tất cả phiền não, tùy theo thích ứng ấy mà các căn tương ứng. Trước biện phiền não các căn tương ứng, nhưng đứng về tướng thô đạo lý kiến lập, khiến hành giả mới tu tập hiểu mà không bị loạn, nay đứng về thô tế kiến lập đạo lý, khiến người thực hành đã lâu rõ được tự tha thân chủng chủng hành giải thích sai biệt chuyển, rộng làm pháp ấy đại đồng luận này quyển 6 nói rõ, cho nên không chép. Sớ chỉ văn này cho rằng quyển 58 nói y tùy chuyển và tướng thô.

**Sớ:** Quyển 66 nói địa ngục cũng có thực.

Xét luận ấy ghi: Nếu thô đoạn thực ở trong năm đường Dục giới đều hiện có thể được, đây đối một phần đều sai khác Na-lạc-ca, chẳng phải đại Na-lạc-ca.

Hỏi: Văn đã nói lựa chọn, thừa nhận có lỗi gì?

Đáp: Quyển 57 ghi: Trong Na-lạc-ca không có đoạn thực, định địa các cõi trời cũng lại như vậy, các Na-lạc-ca phần nhiều do nghiệp đời trước đã nhậm trì mà được trụ lâu. Tuy có các căn rộng lớn nhân duyên tổn hại đại chủng, mà không thể chết, sau đó có các gió nhẹ theo vào phần thân, lấy đó làm thức ăn, khó có thể rõ biết thế nên không nói. Văn này đã nói: Các Na-lạc-ca, nên biết văn sau giả nói, nếu không như vậy trước sau có trái ư? Nói các gió v.v... ăn là phải biết là giả nói.

**Sớ:** Nghĩa là Đại chúng bộ các thức đều sinh.

Do vì thức đều sinh, hậu dị thực năm thức khổ ý ưu được tương tục,

còn lại chuẩn theo nên biết.

**Sớ:** Tổng khen ngợi giáo hưng khởi.

Luận nói nay nên nói rộng là lời khuyên. Có sở thì nói hiển bày, hiển bày hay khuyên đều được.

Hỏi: Luận đã tự thuật vì sao tự nói khuyên?

Đáp: Mượn phát khởi tâm chủ, hoặc tự khen để tấn phát.

**Luận:** “Như trong Khế kinh” đến “bốn biến hành này”.

Có nghĩa ban đầu là kinh Khởi Tận và sở dẫn này, đều nói nhấn đến rộng nói là rộng nói việc gì, do thành thật này chứng minh biết tâm vương cũng duyên biệt tướng, nếu không như vậy vì sao tâm vương do tư lấy chánh nhân v.v... Do định thuyết này cũng duyên biệt tướng, mà vô tâm sở tự không thể duyên, cho nên các luận nói chỉ duyên tổng tướng. Tâm sở duyên biệt, chuẩn theo đây nên biết, vì có nói.

**Biện rằng:** Trong kinh chỉ bày phương góc, nêu nhãn thức sinh không nói các thức cho nên nói nhấn đến, hoặc luận lược dẫn nên nói nhấn đến, cho nên luận Hiển Dương quyển 1 cũng dẫn kinh này nói, như vậy nên biết nhấn đến thân thức. Trong này sai biệt, nghĩa là đều nương tự căn, đều duyên tự cảnh đều biệt liễu biệt tất cả, nên dẫn như hai kinh trước. Chẳng phải nói nhấn đến là hiển bày tâm vương duyên biệt, lại tướng có tà chánh ấy và chung cho nên đồng nói v.v... Cho nên luận tự nói vô tâm khởi vị không có pháp này tùy theo một pháp, nên biết “vân vân” không biểu đạt tâm vương mà cũng lấy biệt. Lấy biệt trước sau liền thành sông khe. Lại khi tâm khởi chưa từng không có sở, đâu được căn cứ vô tâm đã nói tổng, nếu không có tâm sở tổng cũng không duyên, vì sao chỉ có biệt tướng? Thuận lý giáo là tâm vương lấy tổng tướng có thể làm khéo bàn, tà chánh v.v... tức tổng tướng.

**Luận:** Thánh giáo này thành chứng chẳng phải một.

Xét luận Du-già quyển 55 cũng có thuyết này gọi là biến hành, tức luận ấy nói:

Hỏi: Khi các thức sinh, cùng bao nhiêu biến hành tâm pháp câu khởi?

Đáp: Năm, nghĩa là tác ý v.v...

**Luận:** “Lý nghĩa là” đến “ắt có tư”.

Hỏi: Vì sao biết được, xúc nghĩa là tam hòa, nhấn đến tư khiến tâm tạo tác?

Đáp: Xét luận Du-già quyển 55 ghi: Tác ý vì sao gọi là năng dẫn phát tâm pháp? Xúc vì sao gọi là tam hòa hợp? Cho nên có nghĩa năng nhiếp thọ. Thọ vì sao gọi là tam hòa hợp? Cho nên có nghĩa năng lãnh

nap. Tưởng vì sao gọi là tam hòa hợp? Cho nên thi thiết sở duyên giả hợp mà thủ. Tư vì sao gọi là tam hòa hợp? Nên khiến tâm tạo tác, ở cảnh sở duyên, cùng tùy theo lãnh nạp hòa hợp trái lia.

**Sớ:** Trong luận Hiển Dương quyển 1 dẫn chứng nói có.

Chứng có biến hành, tức luận ấy ghi: Như trong kinh nói khổ đối với tác ý này v.v... Lại nói: Do chỗ sinh tác ý kia chánh khởi, như vậy chỗ sinh nhãn các thức sinh, như trong kinh nói có sáu xúc thân. Lại nói, nhãn sắc làm duyên năng khởi nhãn thức, như vậy ba pháp tụ tập hợp cho nên hay có sở xúc. Lại nói: Xúc làm thọ duyên, như trong kinh nói có sáu thọ thân. Lại nói thọ là ái duyên, như trong kinh nói có sáu tưởng thân. Lại nói như tưởng ấy mà khởi ngôn thuyết, như trong kinh nói có sáu tư thân. Lại nói phải biết sáu xứ xúc hiện nay của ta, tức là nghiệp cũ do tư đã tạo trong đời trước.

**Luận:** Kế đến đến biệt cảnh v.v...

Luận Du-già quyển 55, luận Hiển Dương quyển 1 nói năm thể nghiệp, cùng với đây đại khái giống, cho nên không chép. Nhưng luận Hiển Dương dẫn kinh để làm chứng, luận này không có, nên dẫn rằng: Như trong kinh nói, muốn làm căn bản của tất cả pháp, như trong kinh nói, chúng ta ngày nay tâm sinh thắng giải thích, là sáu xứ bên trong quyết định vô ngã.

Giải thích: Do vô ngã quán duyên cảnh vô ngã mà sinh thắng giải thích, nhất định biết sáu xứ đều là vô ngã, cho nên như trong kinh nói các niệm cùng tùy niệm, biệt niệm niệm và ức không quên không mất pháp, tâm minh ký là tánh.

Giải thích: Nhớ lại cảnh qua gọi là tùy niệm, ức biệt biệt cảnh gọi là biệt niệm, hoặc trước tổng tướng niệm, sau biệt tướng niệm, nhớ không quên là tên gọi khác của niệm. Như trong kinh nói khiến các tâm trụ cùng đẳng trụ an trụ cận trụ và định trụ, không loạn không tán nhiếp tịch chỉ, đẳng trì tâm trụ một duyên tánh.

Giải thích: Buộc tâm trụ bên trong không dong ruổi bên ngoài gọi là khiến tâm trụ. Ngăn chế tâm kia lần lần vi tế khác trước khắp nhiếp khiến trụ gọi là cùng đẳng trụ. Nhưng vì thất niệm tán động bên ngoài trở lại thu nhiếp mà trụ nội cảnh gọi là an trụ. Trước thân cận niệm trụ tức do niệm này, thường thường làm ý nội trụ tâm kia không khiến tâm kia ở ngoài trụ gọi là cận trụ. Các tướng năm trần khiến tâm tán loạn, trước ở tướng ấy thành tướng lỗi, sức tướng tăng thượng bề đẹp tâm kia không khiến cho trôi nổi gọi là định trụ. Dục sân hại v.v... khiến tâm nhiều động, cho nên trước ở tướng lỗi lầm, vì sức của tướng cho nên

ở đối với tâm tư các tùy hoặc v.v... chánh trực tâm kia mà không lưu diệt gọi là bất loạn. Do cực tịnh tịnh nên tâm không tán loạn, tức chánh nhiếp trì gọi là nhiếp tịch chỉ. Bình đẳng trì tâm gọi là đẳng trì. Rõ các tâm trước đều ở một cảnh buộc tâm khiến trụ gọi là trụ sở duyên. Như trong kinh ghi: Giản trạch các pháp tối cực giản trạch, cực giản trạch pháp biến liễu, cận liễu, điểm liễu, thâm đạt, thẩm sát, thông duệ, giác, minh, tuệ hành, Tỳ-bát-xá-na.

**Giải thích:** Hay chánh suy nghĩ lựa chọn tịnh sở duyên, thiện xảo sở duyên, hoặc hai sở duyên gọi là giản trạch pháp. Đối với ba cảnh trước mà giản trạch Chân như thật tánh ấy gọi là tối cực trạch. Nghĩa đối với khổ đế và sai biệt khổ tướng giản trạch, Khế kinh thể tánh các khổ gọi là cực giản trạch pháp. Đối với cảnh sở duyên cùng khắp tâm tư gọi là biến liễu. Đối với biến liễu trước cảnh sở duyên, suy xét tìm cầu tiêm chân tiêm cận gọi là cận liễu. Liễu tâm tâm pháp gọi là điểm liễu. Tri tâm tâm pháp việc sở duyên gọi là thông đạt. Năng định lấy hết sở hữu ấy gọi là thẩm sát. Trước sau tiêm thứ ở trong nghĩa ấy, không quên sót nên gọi là thông duệ. Có thể tuệ giản trạch câu sinh gọi đó là giác. Tập sở đắc tuệ gọi là minh. Tụng hỏi luận quyết trạch, mà nghĩa ấy chuyển tăng minh liễu nên gọi là tuệ hành. Tỳ-bát-xá-na Hán dịch là quán, như trong Đại luận giải thích rộng đủ.

**Sớ:** “Nếu nói như ái” đến “là gốc của các pháp”.

Lập lại người ngoài vặn hỏi sinh khởi văn sau. Ý người ngoài vặn hỏi: ông đã dùng ái ví dụ, dục chẳng phải biến khắp, vì sao trong kinh nói dục là gốc.

**Luận:** Đây lại phải đợi các duyên khác, có lỗi không cùng tận.

Có nghĩa trong luận ở giải thích sau niệm khiến tâm ghi nhớ rõ ràng, tông ấy cũng nói có thể minh ký, là đứng về tâm; đã minh ký là vì ngay các pháp, nếu do đây cho nên các tâm minh ký, đây lại phải đợi duyên khác, lại có lỗi không cùng tận. Người thích luận tông phải khéo tư duy lựa chọn.

**Biện rằng:** Thù thắng ấy phát khởi vốn là nghiệp dụng của tác ý căn, nhưng lại đợi các thắng giải thích có dụ cho nên lỗi không cùng, ngã tông minh ký chẳng phải gốc nghiệp của tâm cho nên tuy đợi các niệm vô loại ấy không có lỗi nào mà không cùng tận.

**Sớ:** Tâm thừa nhận trước có trên thể lại lập các dụng.

Hỏi: Tâm thể lập dụng tự thừa nhận chẳng phải tha đâu được làm chứng.

Đáp: Trước đã rộng thành làm chứng không có lỗi.

**Luận:** Căn lực giác chi chẳng phải tức tâm.

Hỏi: Phá vì sao thừa nhận ư? Nếu phá bản sở, bản sở tâm sở đều thể là tâm, tuệ v.v... đồng dụ sở lập không thành, nếu phá mặt chấp có lỗi tương phù, chưa thừa nhận tâm sở lìa tâm có.

Đáp: Chuẩn theo sở phá trong mặt chấp lập ba bốn tâm sở, tuệ v.v... y tư vì chẳng phải tức tâm, dụ không có lỗi ấy. Có nghĩa chỉ phá bản chấp, nhưng dụ không có lỗi, trước lại thành lập tuệ đẳng biệt có cho nên được làm dụ. Lại giải thích tông ấy lấy kinh làm lượng, nói định tức tâm các biệt có tự thể.

**Biện rằng:** Trước tuy thường nói các tâm sở, mà chưa thành lập lìa tâm có thể, vì sao chẳng phải lỗi dụ? Lại chưa thấy Kinh bộ không lập nhất định thừa nhận các tâm sở. Hai giải thích vặn hỏi chung, cho nên sở nói trội hơn.

**Luận:** “Như vậy” đến “ba mươi một câu”.

Nói tổng biệt trong truyện có hai giải thích:

1. Hai và hai đến năm gọi đó là tổng, mỗi mỗi riêng khởi gọi là biệt.
2. Khởi một đến bốn gọi đó là biệt, hợp khởi năm loại gọi là tổng.

**Biện rằng:** Giải thích sau là chính.

Hỏi: Lại hợp duyên, cảnh hai hoặc bốn, lẽ nào không trái đồng tụ tâm pháp một sở duyên?

Đáp: Cảnh bản chất một, đối với năng duyên nghĩa phân ra bốn gọi là sở lạc v.v... , lý vốn không trái, lại như một cảnh, nghĩa là muốn quán sát tức gọi là sở lạc, thắng giải thích ẩn trì tức gọi là quyết định, khi niệm minh ký tức gọi là từng tập, định duyên chú tuệ giản trạch tức gọi là sở quán, do đồng tụ tâm pháp một cảnh này.

**Sớ:** Sư này dùng thiên nhãn thông thiên nhĩ thông là ý thức tương ứng tuệ v.v...

Chuẩn theo ý của sư này không có hai thần thông, tức thành sự trí, cũng chẳng phải năm thức tương ứng tuệ, nhân quả năm thức đều không có tuệ, hoặc chỉ nhân không, quả vị thừa nhận có, thế nên sư sau dùng năm thức của Phật thành vặn hỏi của sự trí. Giải thích sau thích lý trội hơn.

**Luận:** “Ngăn đẳng dẫn” đến “cho nên khách có quyết định”.

Định sai biệt mà có nhiều loại, như trong Nghĩa Đăng đã biện đủ, lại có đồng dị, như luận luận Du-già sao giải thích.

**Sớ:** Trong luận Phật Địa nói trừ lậu tận thông v.v...

Xét luận ấy quyển 3 ghi: Như vậy các Tĩnh lực giải thích thoát không tranh cãi nguyện trí thông vô ngại, nhiều phần nhiếp ở trong diệu quan sát trí, thần cảnh trí thông nhiều phần nhiếp ở Thành sở tác trí, Lưu tận trí thông, Lưu tận trí lực. Nếu nói lưu tận tương tục trong đó có bốn trí sở nhiếp. Nếu nói duyên lưu tận Niết-bàn ấy, nhiều phần nhiếp ở Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí.

Giải thích: Tác dụng của Quán sát trí rất thù thắng nhiếp nhiều công đức, Thần cảnh trí thông duyên ngoại trần phát, có đồng với năm thức phần nhiều ở thành sự. Tương tục là thân ở lưu tận thân gọi là lưu tận, cho nên bốn trí gồm thân nhiếp. Nếu duyên lưu tận Niết-bàn pháp nên gọi là lưu tận, cho nên thuộc Bình đẳng, Cảnh trí. Hai duyên rất mạnh, lại được hai trí đủ Niết-bàn. Văn trong sở dẫn do người kiểm xét nhầm, nên y ngày nay để nêu bày.

**Luận:** Thiện nghĩa là tín tâm v.v...

Hỏi: Các pháp thiện này là luận tự đưa ra, là luận hay kinh nói?

Đáp: Trong bản kinh đã nói, luận sau đó dẫn giải thích, cho nên luận Hiền Dương quyển 1 dẫn kinh để dẫn chứng rằng: Như trong Khế kinh nói, đối với Như Lai khởi tin kiên cố, tâm đối với sở tầm, quý đối với sở quý, vô tham sân si ba loại thiện căn khởi tinh tấn trụ, có thể ân cần thích hợp với ý thân và tâm an, tất cả vô lượng thiện pháp sinh khởi, tất cả đều nương tướng bất phóng dật, lại trừ tham ưu tâm y chỉ xả do vì không hại, nên biết nó rất thông tuệ.

**Sớ:** “Đây căn cứ về lập y” đến “lý phải hợp nhau”.

Ba căn, tinh tấn bài tụng gần kề đến gọi là hợp nói. Bốn đồng thời là y lập xả v.v... , nếu không như vậy, thì không ngộ bốn pháp đều làm y, gọi là lý phải hợp.

**Sớ:** Trừ vô si.

Họ nói vô si lấy tuệ làm tánh, chẳng phải tự tánh thiện cho nên chỉ có mười.

**Sớ:** Sư Chánh Lý luận nói có mười hai v.v...

Tức luận ấy nói, tụng thuyết và nói tổng nhiếp hân yếm, yếm nghĩa là nhằm trái bỏ, như duyên khổ tập. Hân nghĩa là ưa thích, như duyên diệt đạo, hai pháp này hỗ tương khởi ắt ở một tâm không được câu sinh, tuy chỉ là thiện chẳng phải khắp thiện tâm, cho nên trong pháp thiện đại địa không nêu bày riêng.

**Sớ:** Luận Bà-sa nói riêng có hân yếm.

Luận ấy quyển 28 ghi: Có biệt pháp gọi là yếm, chẳng phải tuệ chẳng phải vô tham, là tâm sở pháp cùng tâm tương ưng. Có biệt pháp

gọi là hân, chẳng phải tham dục chẳng phải không sân, là tâm sở pháp cùng tâm tương ứng. Nhưng kiến đạo nói khổ tập nhân trí gọi là năng yếm, diệt đạo nhân trí gọi là năng hân, do nhân trí yếm ấy, hân tương ứng gọi là năng hân yếm, nhân trí thật chẳng phải hân yếm tự tánh.

**Luận:** Chỉ có thiện.

Cũng ngăn Kinh bộ tín, tinh tấn hai thông ba tánh, cho nên Thành Thật luận phẩm Tín ghi: Tín thông ba tánh, tinh tấn cũng vậy.

**Sớ:** Là cảnh Thức thứ bảy.

Hỏi: Đã là tín y vì sao chẳng phải y Thức thứ bảy?

Đáp: Tuy tín y khởi, nhưng tín sở duyên, gọi là cảnh Thức thứ bảy.

**Luận:** Lạc thiện là nghiệp.

Xét luận Hiển Dương quyển 1, tín nghiệp có năm, xác quyết bất tín chương là nghiệp, năng đắc Bồ-đề tư lương viên mãn là nghiệp, lợi ích tự tha là nghiệp, năng thú thiện đạo là nghiệp tăng trưởng tịnh tín là nghiệp. Bốn loại sau thuộc lạc thiện này, vì lạc đối với thiện mới khởi bốn.

**Sớ:** Tức là tín kiên cố trong luận này.

Tức nhiếp Đại thừa Thức thứ bảy tụng rằng: Sức tăng thượng thanh tịnh, tâm kiên cố thắng tấn, là Bồ-tát mới tu, vô số ba đại kiếp.

Lại xét trong Du-già quyển 57 ghi:

Hỏi: Thế Tôn y căn cứ vào đâu mà nói như vậy: đối với Như Lai tịnh tín sâu kiên cố căn sinh kiến lập, tất cả thế gian như các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn hoặc Thiên ma, Phạm, không có như pháp năng dẫn?

Đáp: Y tín căn mà nói, đây là hiển bày tín ấy ở văn tư tu thắng giải thích kiên cố.

**Luận:** Một tín có thật v.v...

Đủ như trong sớ có nói. Có nghĩa vặn hỏi: Hoặc như cổ sư nói thật sự là nhân quả thế sự, như sự bốn đế, nói thật lý, là chân lý bốn đế, tức lý nhân quả, cho nên ngũ uẩn nói nghĩa là ở nghiệp quả chắc thật, rất phù hợp gọi là tín nghiệp quả.

Đại thừa hư không diệt đế tổng thâm nhiếp, chẳng phải như Hữu tông, nên không có lỗi. Trong sớ nói là nhiếp hư không nhưng bao tổng nói thật, đây chẳng phải Đại thừa không thể y cứ.

**Biện rằng:** Sớ nói bản không, hư không không có cho nên chẳng phải thuộc đế, không nói thức biến, y Chân như lập đế không thâm nhiếp, cho nên trong sớ quyển 2 nói, thức biến hư không ba đế sở nhiếp. Lại y nơi thức, Chân như lập hư không tạm gọi là hư không, chẳng phải



thật không, lập căn cứ y Chân như thức biến hư không nói để nhiếp, cũng không tận lý, tùy theo tâm năng biến, vì sao không có khổ tập đạo để ba nhiếp? Lại thức thứ bảy Chân như thừa nhận bốn đế nhiếp, y Chân như lập không, vì sao chỉ có diệt đế? Lại bản không vốn không, vì sao được tên là lý nhân quả? Nếu nói chẳng phải là lý nhân quả, vì sao nói chân lý bốn đế tức là lý nhân quả, do nó từ rộng nên không nói đế, đối với lý không ngại, luận này bàn chung, năm uẩn riêng bày, cũng không trái nhau.

Hỏi: Cảnh sở y vì sao thứ lớp khởi nhãn, lạc, mong cầu?

Đáp: Cần phải quyết mới mong cầu. Lại nhân quả có thứ lớp như vậy.

Hỏi: Đối với thật v.v... ba tín có khởi, không thể như đã nói, đã tin đều khởi, nhân nêu nhân quả mà để rõ, vì sao nhãn, dục lại có không có?

Đáp: Ban đầu căn cứ tổng biết pháp thể lý sự cho nên chỉ tín nhãn, sau riêng quán đức tự tha có năng lực cho nên tin ưa muốn. Lại ban đầu trong thật cũng bao gồm bốn đế, khổ tập, bất lạc nên tổng nói là nhãn.

**Luận:** Ba tín có khả năng v.v...

Tín có lực bao gồm có hai giải thích:

1. Y người biện rõ, như trong sở đã nói.
2. Đứng về pháp mà nói.

Cho nên có nghĩa, hoặc có lực nói tức thiện sở tín, nghĩa là tín thiện pháp năng đắc năng thành Hữu vi Vô vi quả thể xuất thế, khởi hy vọng cho nên tu tập, tuy chẳng phải văn luận cũng không trái lý.

**Luận:** Nhãn nghĩa là thắng giải thích v.v...

Hỏi: Nhân quả của tín này là đồng thời hay khác thời?

Đáp: Giải thích đủ như trong Nghĩa Đăng và số. Chuẩn theo ở sau câu khởi, sự thứ nhất ắt đồng thời, suy tìm sự lý khi chưa quyết định thời tín không sinh, do đây tín v.v... ắt dục và giải thích đồng thời, nếu y theo sự sau cũng thừa nhận dị thời. Giả sử đối với sự lý khi chưa quyết định tín cũng sinh.

**Biện rằng:** Sự sau nhân quả đồng dị không trái, sự trước ắt đồng, lý làm sao có? Vì sao như vậy? Hễ nói quyết định mới có tín sinh, không nói dục, giải thích phải đồng thời khởi, trước quyết sau tin, lẽ nào mất ở quyết mới sinh nghĩa tin? Giả sử y văn ấy chỉ có thể nhân đồng, chuẩn theo đâu nói quả cũng câu sinh ư? Do đây mà nói không che thì có thể thấy.

**Luận:** Tàm v.v... tuy có thiện chẳng phải tịnh làm tướng.

Hỏi: Nếu tầm chẳng phải tịnh vì sao trước vận hỏi nếu khiến tâm tịnh tầm v.v... vì sao sai khác?

Đáp: Tầm đã gọi là thiện, vì sao được phi tịnh? Nhưng không tự tịnh ấy làm tướng, cùng tín không đồng, do vận hỏi này, đáp mong nghĩa không đồng nên không có lỗi.

**Luận:** Dứt các ác hành làm nghiệp.

Chuẩn theo luận Hiển Dương quyển 1, nghiệp có năm loại, một là đoạn không có tầm chướng làm nghiệp, thứ năm là tăng trưởng tầm làm nghiệp, ba loại ở giữa đồng ba loại trong tín, cho nên luận ấy nói chỉ đồng với tín trước.

**Sớ:** Tức là hai duyên.

Luận Hiển Dương tự pháp v.v... hai pháp là duyên tầm.

**Luận:** Dừng dứt ác là nghiệp.

Luận Hiển Dương nghiệp có năm: Ban đầu đoạn vô quý, sau là tăng trưởng vô quý, ba pháp giữa đồng với trước. Nghiệp của các thiện khác đều có năm loại, nhưng ban đầu và sau nghiệp mong trừ tự chướng có thể tự tăng trưởng, ba pháp ở giữa đều đồng nên không chép, chuẩn theo trước có thể hiểu.

**Luận:** Nghĩa là y theo thế gian nhằm trách tăng thượng. Có nghĩa nói, trách nghĩa là quả trách, nhằm nghĩa là nhằm lia, thấy người thế gian và pháp thế gian, quả trách người bạo ác nảy nhằm lia ác pháp, cho nên đối với bạo ác mà sinh khinh chướng. Trong sớ nói, nghĩa là tự mình nhằm ác, đây nhất định không đúng. Tự mình nhằm ác tức là khinh chướng, tự tánh hổ thẹn vì chẳng phải thế gian, nay đã hiển bày thế gian quả nhằm, nên giải thích trước là chính.

**Biện rằng:** Ác pháp trái mình được tên thế gian, là trước nhằm sau mới khinh chướng, lý nào không được. Cho nên văn sau nói, đối với mình càng tổn gọi là tự tha, nên ác gọi là tha gọi là thế gian, mà không có lỗi, lại nhằm khinh chướng hai nghĩa không đồng. Nếu trước không nhằm, vì sao chướng?

**Sớ:** Do một lý hai giáo trước, tức trước nêu tông là lý này, hai giáo nên biết.

**Luận:** “Nhưng tập luận nói” đến “lý ấy ắt phải như vậy”.

Đây nói luận căn cứ nhân quả, chẳng phải luận tự đứng về nhân quả để biện, luận ấy đã nói như trong sớ có dẫn ở trước.

**Sớ:** Nếu vậy tức ba niệm trụ v.v... cũng vậy.

Ý chất vấn này cho rằng, niệm trụ cũng dùng không sân làm thể, nên đồng với đại bi chẳng phải căn sở nhiếp.

**Sớ:** Niệm trụ y tuệ nên căn sở nhiếp.

Sư này lấy Đối Pháp là chính, xét luận ấy quyển 14 nêu thể của niệm trụ nói: Đối với tất cả chủng ái, khuể, phiền não và tập khí không hiện hành đầy đủ trong ấy đã có định tuệ v.v... làm thể.

Giải thích: Tổng dùng năm pháp, không tham, không sân, đại xả, định, tuệ mà làm thể.

**Sớ:** Lại y đứng về ảnh hiển chẳng phải văn chân lý.

Hợp với luận Du-già, xét luận ấy quyển 57 ghi: “Niệm trụ chẳng phải căn nhiếp, không tham sân sở nhiếp”, kết hợp lại nói hiện bày chẳng phải thật, nêu các đức của Phật y tuệ căn thâm nhiếp, hiển niệm trụ này lý cũng như vậy.

**Sớ:** Điều này cũng không đúng.

Sau sư bắt lỗi sư trước, chưa đưa ra lý do.

**Sớ:** “Như năm kiến” đến “ở đây không si cũng vậy”.

Sư trước nêu kiến chứng không có thật si.

**Sớ:** “Hoặc làm việc thiện” đến “chẳng phải cần Thánh quả”.

Tùy theo vị nhân quả sở tu, việc xong tức gọi là mãn, không chỉ có bậc Thánh phương Tây được tên mãn.

**Sớ:** “Nếu nói cần” đến “nhưng trong này”.

Hỏi: Khởi sinh ở sau, nói nhưng trong này là ý nói cần trong này là cần nào? Văn tỉnh lược.

**Sớ:** Vừa có thể gọi là thuần.

Tuy chẳng phải là tinh cũng là pháp thắng nhiệm, gọi là vừa có thể thuần.

**Luận:** Nhị thừa rất ráo đạo vui thích Đại Bồ-đề.

Có nghĩa nói vui thích đại Bồ-đề gọi là không đủ. Lại y Thắng nghĩa mà nói, lý thật thường thường nhập Vô lậu quán, khiến quán tăng thêm rõ ràng, cũng gọi là không đủ, nếu không như vậy định tánh không đâu mà không đủ.

**Sớ:** Và trước hợp làm năm cách giải thích.

Trước là luận, kinh đã nêu bày năm tên.

Hỏi: Bốn nghĩa sau giải thích năm vị trước, vì sao giải thích được để làm năng giải thích ư?

Đáp: Tức đã nêu bày năm vị tức là giải thích nghĩa tinh tấn ấy, cho nên hợp làm năm.

**Sớ:** Hỏi vì sao trong này dùng vô tham làm đầu.

Ý vặn hỏi ấy nói, trước nêu bất phóng dật lấy cần làm đầu, vì sao sau kết vô tham làm đầu.

**Sớ:** “Đáp trở về trước” đến “từ gần mà kết”.

Ý đáp này nói: Y nơi thứ lớp trước nói, nếu văn kết thiện y trì, không tham làm đầu.

**Luận:** Tịnh trụ làm nghiệp.

Có nghĩa, hỏi tịch tịnh trụ chỉ có thể gọi là tánh vì sao gọi là nghiệp, do tánh hiển bày trước sau không có, cho nên trong Tập luận ghi: “Không cho tạp nhiễm sở y làm nghiệp”, nên luận chủ lẽ ra là lầm.

**Biện rằng:** Nếu khiến tâm bình đẳng ba loại mà làm nghiệp ấy có thể như đã trách, tịnh trụ đã chẳng phải bình đẳng đồng với ba, vì sao vặn hỏi rằng: Dùng tánh làm nghiệp. Lại tịnh trụ tức là nghĩa không chấp nhận nhiễm, Đối Pháp vì sao chỉ riêng trách luận này? Do các văn luận này, tuy nghĩa lý hơi khác đại khái đồng may mắn không đến nỗi mê hoặc. Lại tánh hiển bày nghiệp cũng đâu trái, như Thức thứ bảy, thứ sáu tư lương liễu biệt làm tánh tướng. Nếu nói tâm sở không như vậy, lý cũng không đúng, như trong luận này nhấn lấy giận phát mà làm tánh của nó, trong Đối Pháp tức do giận phát làm nghiệp, lẽ nào chẳng phải tánh, nghiệp đồng giận phát? Cho nên hai luận cùng nêu. Lại đây nói nào, bực v.v... làm tánh, giời rĩa làm nghiệp; luận Ngũ Uẩn nói: Phát ra lời ác lại càng hơn giời làm tánh, cũng là tánh, nghiệp, hai luận hỗ tương nói rõ, đây vì sao không thừa nhận? Do đây mà xét thì luận thật không nhầm.

**Sớ:** Chẳng phải nói hạnh.

Chữ hành chẳng phải bình thanh, lẽ ra phải đọc theo khứ thanh.

**Luận:** Trong vị ban đầu, giữa, sau biện xả sai biệt.

Hiển bày lý do bình đẳng ba sai biệt, cho nên Tập Tập quyển 1 ghi: Tâm bình đẳng tánh, nghĩa là do ngôi vị ban đầu chặng giữa sau biện xả sai biệt, vì sao? Do xả cùng tâm tương ưng lìa chìm đắm v.v... không có tánh bình đẳng, ban đầu chứng đắc tâm tánh bình đẳng, do tâm bình đẳng xa lìa Gia hạnh tự nhiên tương tục. Kế đến lại chứng đắc tâm tánh chánh trực, do tâm chánh trực ở các tạp nhiễm không có suy nghĩ, sau cùng chứng đắc tâm không tánh Vô công dụng trụ.

**Sớ:** “Đối Pháp quyển 10” đến “là tham ưu”.

Xét luận ấy, trong giải thích bảy Giác chi, Xả giác chi nói, xả là thể không nhiễm ô, hằng trừ tham ưu không có vị nhiễm ô làm tự tánh. Có bản sớ nói, Đối Pháp quyển 18 phần Đạo chi nói là nhầm.

**Sớ:** Do ưu căn cũng có xả.

Nghĩa là vì ưu thông thiện.

**Luận:** “Tuy có nghĩa sai biệt” đến “nên không có lập riêng”.

Chuẩn theo Du-già quyển 56, y sân tham v.v.. lập các pháp nhiễm, nên ngược lại là tịnh, vì không có khác, nên đây không nói. Tức luận ấy ghi: Phần nhiều tùy theo sân giận tự tại nghĩa chuyển tất cả một phần là có tranh cãi, phần nhiều tùy theo ái kiến tự tại chuyển nghĩa tất cả một phần là có vị ái, phần nhiều tùy theo tham tự tại chuyển nghĩa tất cả một phần là y nơi ham muốn. Những chỗ khác có văn như thế này nên không dẫn.

**Luận:** Hân nghĩa là ham muốn đồng thời v.v...

Hỏi: Vì sao căn bản, tùy hoặc không có thứ lớp mà trái lại?

Đáp: Đồng loại nên dễ rõ, hân, không nhân v.v... không có phần sân, cho nên kể đến nói hân thích, sau nói không nhân v.v... Nhàm, không xan tham v.v.. đều không có tham phần, cho nên sau hân yếm nói không xan tham v.v... còn lại chuẩn theo có thể biết.

**Luận:** Không hận nào tật v.v...

Chuẩn theo luận Du-già quyển 89, y theo sân mà lập bảy pháp sai biệt, cũng hợp và trái với nó, y nơi không sân mà lập ở thiện pháp, cho nên nói đồng v.v..., tức luận ấy nói, nếu phiền não ràng buộc hay khiến phát khởi cầm nắm dao gậy đánh nhau tranh giành gọi là giận phát. Đối với không thuận ngôn tánh không kham nhẫn nên gọi là ác thuyết, đối với mắng mắng trở lại, đối với sân sân trở lại gọi là bất nhẫn, là tánh nào tha nên gọi là để-đột, tánh ưa cơ hiểm nên tử-tý, ôm lòng oán ghét, đối với người khác phan duyên không nhiều ích, cùng khởi phát ý ngôn tùy thuận tùy chuyển gọi là khuể tâm tư, ôm lòng tổn não, đối với người khác phan duyên nào loạn cùng khởi phát ý ngôn. Còn lại như trước đã nói gọi là hại tâm tư.

**Luận:** Không xan tham kiêu mạn v.v...

Cũng đồng với Du-già quyển 89 nói y tham sở lập các pháp phiền não trái lập trong thiện, tức luận ấy ghi: Hiện hành ngăn bức, có chỗ khát cầu nên gọi là nghiên cứu tìm tòi, đối với sở đắc lợi không sinh vui mừng đầy đủ, dù được tha lợi liền cầu lợi thù thắng, gọi là lấy lợi cầu lợi. Đắm trước tài lợi hiển bày đức không có thật, muốn khiến người biết, nên gọi là ác dục. Đối với đại nhân muốn cầu lợi dưỡng cung kính rộng lớn, nên gọi là đại dục. Ôm lòng nhiễm ô hiển bày đức không có thật, muốn khiến người biết gọi là tự mong cầu dục. Đối với các dục của mình sinh tham ái nặng gọi là đắm mê. Đối với các dục khác sinh tham đắm nặng gọi là đắm vị khắp. Đối với các cảnh giới sinh đắm trước nặng gọi là tham. Đối với các ác hạnh sinh đắm trước nặng gọi là tham phi pháp. Đối với các tài bảo của cha mẹ tự mình thọ dụng bất chánh

gọi là chấp trước. Đối với tài vật người khác gởi cho mình muốn đoạt lấy gọi là ác tham. Đối với cảnh sở duyên ràng buộc, cũng như ngủ mê che lấp tâm ấy gọi là không xứng lý chuyển. Tâm ôm ái nhiễm, phan duyên các dục phát khởi ý ngôn, tùy thuận tùy chuyển gọi là dục tâm tư. Tâm ôm lòng nhiễm ô phan duyên thân cảm phát khởi ý ngôn, còn lại như trước đã nói gọi là thân lý tâm tư. Tâm ôm lòng nhiễm ô phan duyên quốc độ phát khởi ý ngôn, còn lại như trước đã nói gọi là quốc độ tâm tư. Tâm ôm nhiễm ô phan duyên tự nghĩa suy tìm nương gá đời đời, lúc sau mong được phát khởi ý ngôn, còn lại như trước đã nói gọi là bất tử tâm tư. Tâm ôm nhiễm ô phan duyên tự tha, hoặc kém hoặc hơn khởi phát ý ngôn, còn lại như trước đã nói gọi là khinh miệt tương ứng tâm tư. Tâm ôm nhiễm ô phan duyên thí chủ, qua lại nhà quyền thế khởi phát ý ngôn, tùy thuận tùy chuyển gọi là gia thế tương ứng tâm tư.

Hỏi: Trong đây nói tham và căn bản tham vì sao lại khác?

Đáp: Căn bản tham ấy gọi là bất thiện căn, đây thì không như vậy, nên có sai khác.

**Luận:** Không che giấu dối nịnh v.v...

Tức luận Du-già quyển 62 và quyển 89 thừa nhận kiêu mạn đối trá cũng ở trong trái ngược. Quyển 62 ghi: Thế nào là kiêu mạn? Nghĩa là ở trên giới tăng thượng hủy phạm Thi-la, do thấy nghe nghi khi người khác nêu bày bèn nương gá các việc, nhờ các việc khác ấy giới lập ngoại ngôn mà dẫn dụ lẫn nhau. Thế nào là thừa nhận? Nghĩa là vì sợ họ, hoặc lại ở nơi họ có chỗ trông mong, tuy có phạm giới trọng mà không phát lộ, cũng không hiện hành, chẳng phải ý lạc thật, đối trá với người trí đồng phạm hành hiện hành, thân ái cung kính, khôn khéo hai nghiệp thân ngữ”. Quyển 89 ghi: “Tâm ôm nhiễm ô vì hiển đức mình giả hiện oai nghi nên gọi là kiêu, tâm ôm nhiễm ô vì hiển đức của mình, hoặc hiện thân sự, hoặc thực hành ngữ nghiệp khôn khéo, nên gọi là đối”.

Hỏi: Hai văn vì sao sai khác?

Đáp: Ban đầu đứng về che giấu tội, sau vì hiển đức, nên hai văn sai khác.

**Sớ:** Đối Pháp giải thích mạn.

Xét sớ giải thích rằng: Bất kính nghĩa là đối với sư trưởng và bậc có đức mà sinh ra cao ngạo. Khổ sinh nghĩa là sinh hậu hữu.

**Sớ:** Hợp căn bản hai mươi sáu tùy phiền não.

Ý nói, căn bản và tùy tổng có hai mươi sáu, trong đó có mười một loại ngược với thiện. Văn sớ đảo ngược, lẽ ra nói hợp căn bản và tùy

phiền não có hai mươi sáu.

**Luận:** Tướng dụng sai biệt nên lập nó.

Hỏi: Bất phóng dật v.v... tướng dụng sai biệt làm thế nào lập được?

Đáp: Trước nói vô dụng, không có bốn dụng biệt thể bên ngoài, nay nói hữu dụng là có dụng đồng thể sai biệt.

Hỏi: Tuy dụng có thể biệt nhưng thể tướng lại đồng vì sao lập riêng?

Đáp: Tướng cùng dụng tùy theo có một khác nhau, tức lập trong thiện, chẳng phải tướng dụng cả hai đều khác nhau mới lập.

**Sớ:** Tám pháp sau hoặc lại có mười pháp.

Tám nghĩa là đại tùy, mười là thêm tà dục, giải.

**Luận:** Luận nói mười một khởi trong sáu vị.

Hỏi: Đối với sự này, thiện pháp rất nhiều, có bao nhiêu pháp đồng thời?

Đáp: Như trong sớ có nói đủ. Có nghĩa ở vị Vô lậu cho chín pháp câu khởi, khinh an Hữu lậu, tầm quý khởi một, vì không có pháp thứ hai, Hữu lậu định tâm chấp nhận tám pháp câu khởi, trừ xả, bất phóng dật, tầm, quý tùy một, tán thiện chấp nhận có bảy, trong tám pháp trước trừ khinh an.

**Biện rằng:** Đây căn cứ sớ bàn, tùy hiển nêu nghĩa hơi sai khác không vượt quá. Nhưng ý sớ nói, do sự này dẫn sáu vị làm chứng, sợ người mê lầm nói sự này thừa nhận quyết định đẳng vị, chỉ có người tin một mới cho rằng sự này đều thừa nhận đồng thời, tức hiển bày sáu vị mỗi mỗi chấp nhận cùng các tâm sở đều gọi là đều thừa nhận, chẳng phải nói mười một câu khởi gọi là đều. Chín tám, bảy đồng thời, lý chuẩn theo nên biết, cho nên không nói cận kề, cũng không có lỗi.

Có thuyết nói, sớ chủ thừa nhận mười một đồng thời, điều này trái với ý chỉ của bản sớ, lẽ nào có thể sớ chủ không hiểu tầm v.v... của sự trước đều không nói mười một đồng thời?

**Sớ:** “Tuy tầm cùng với quý” đến “hợp thuộc một vị”.

Đây là giải thích vắn hỏi. Ý vắn hỏi rằng, tầm quý hai pháp khởi đã không đồng thời, vì sao sáu vị hợp ở một chỗ, cho nên phát sinh câu trả lời này.

**Luận:** “Lẽ ra nói tín v.v...” đến “mười biến khắp thiện tâm”.

Hỏi: Phần v.v... là y sân lập, sân vị phần v.v... không có, hành xả nương y tha, bốn pháp không có phương hướng khởi chẳng?

Đáp: Giả sử như vậy cũng đâu có lỗi gì? Nếu vậy vì sao mười biến



khấp thiện tâm?

Có nghĩa hỏi đáp lần lượt giải thích, văn nhiều nên không dẫn, nhưng ý người viết cho rằng phần v.v... là sân phần, cùng với sân không đồng thời, xả v.v... nghĩa khác nhau nên được câu khởi.

Hỏi: Xả v.v.. nghĩa sai biệt nên gọi là giả, phần đã sinh riêng nên chẳng phải giả nhiếp?

Đáp: Do thể tức sân không khác nên gọi là giả.

Hỏi: Sân đã không đồng thời vì sao là thể sân?

Đáp: Tức nói thể sân gọi là phần v.v...

Hỏi: Đã phần tức sân, như sân chẳng phải giả?

Đáp: Nói sân làm phần, phần vì sao không giả.

Hỏi: Khi phần không có sân, vì sao nói sân lấy đó làm phần?

Đáp: Từ sân chủng sinh nên nói sân làm phần.

Hỏi: Thọ thọ chủng sinh gọi là thọ phi tướng, phần sân chủng sinh gọi sân là phi phần chẳng?

Đáp: Phần sân chủng khởi, nghĩa khác nhau gọi là khởi, thọ thọ chủng sinh, lãnh nạp phi tướng.

**Biện rằng:** Phần sân chủng sinh giả không đồng thời, bất hại thì lẽ ra như vậy, lìa không có, sân không có, cả hai lẽ ra không như nhau, lẽ nào có thể bất hại riêng có chủng sinh? Do đây không được nói sân phần hai chủng đều không đồng thời, nên phải nói phần v.v... y cảnh sân hành thô trái mà không câu khởi, bất hại thì không như vậy, tùy theo thiện vị nào đều không tổn vật, nên được câu sinh, hành xả v.v... chuẩn theo đây nên biết.

Luận Du-già quyển 56 nói:

Hỏi: Các pháp nào tương ứng?

Đáp: Tha tánh tương ứng, chẳng phải tự tánh.

Hỏi: Đã không tương ứng vì sao câu khởi?

Đáp: Hễ là tương ứng thì ắt câu khởi, tự có câu khởi thì không phải tương ứng. Sắc, bất tương ứng tuy có tâm đồng thời nhưng chẳng phải tương ứng.

Hỏi: Bốn sự thiếu sự nào?

Đáp: Bốn nghĩa tương ứng thiếu sự v.v... bất hại, vô sân không có sự biệt thể; xả, bất phóng dật đối với cần, ba căn cũng chuẩn theo đây để biết. Đứng về tín v.v... nên gọi là tương ứng, dụng không lìa thể, bất hại xả v.v... cũng đủ bốn nghĩa.

**Luận:** Có nghĩa định Gia hạnh, cũng được tên định địa.

Hỏi: Vì sao luận Du-già quyển 56 ghi: Nghĩa là khinh an đồng thời

Tam-ma-địa và quyển thuộc của nó, và quả pháp ấy không nhiếp nghĩa, là Dục giới ràng buộc. Đã nói khinh an không nhiếp nên mới gọi là Dục giới. Vì sao nói dục được có khinh an?

Đáp: Như trong số đã giải thích.

**Số:** Nhưng tự có tâm tứ v.v... có dài ngắn v.v...

Có khắp Tam-ma-địa gọi là dài, tuy Tam-địa có nhưng không biến khắp nên nói là ngắn, tức như khinh an sơ tâm tứ địa không có biến khắp nên gọi là ngắn.

**Số:** Thứ hai lại giải thích định dẫn thiện v.v...

Đây giải thích định dẫn để chứng nhân của năm thức, thành sự trí đồng thời, chứng chung nhân quả.

**Số:** Đây căn cứ nhân vị.

Tổng kết định dẫn nhân.

**Số:** Nếu ở Phật quả, đây là nghĩa chánh.

Đoạn thứ hai từ “nhân thành sự trí” trở xuống, chánh nghĩa thừa nhận thành sự trí ở Phật mới có.

**Số:** Hoặc khi Sơ địa v.v...

Đây là hiển nhân thành sự cũng chứng nhân có năm.

**Số:** “Nếu làm giải thích này” đến “vì có khinh an”.

Đây là hiển bày giải thích sự ở nhân vị sai và nói rõ phi lý.

**Số:** “Trước đó chỉ căn cứ” đến “chẳng phải là tận lý”.

Giải thích vặn hỏi trước và kết hợp lý do dục không có khinh an trong giải thích trước.

**Số:** Thứ ba lại giải thích v.v...

Ý giải thích này cho rằng văn tuy tổng nói năm thức có khinh an, ý bàn ba thức, khinh an ở sắc, tửy thiệt chỉ có dục, cho nên chỉ có ba thức. Nghĩa là tổng ý sai biệt nên không trái với trước.

Hỏi: Ba cách giải thích cách nào chánh?

Đáp: Có thuyết xác quyết rằng thứ ba là chánh. Giải thích thứ nhất trái văn, quả vị chỉ có thiện, tự tha cùng thừa nhận, cần gì lại nói định sở dẫn? Giải thích thứ hai trái lý, trước nói Dục giới không có khinh an, nay lại nói cho có nên trái lý. Có nghĩa, giải thích rằng cả ba đều không trái. Ban đầu nêu tông, chưa luận nhân quả nên nói thiện. Đại địa Bồ-tát sinh trong Dục giới Vô lậu dẫn sinh cũng không có lỗi. Kết hợp văn trước như trong số có nói đủ.

**Biện rằng:** Ttong giải thích thứ hai, định dẫn thiện, ở nhân có thể như vậy, Thành sở tác trí không chỉ có quả là trái với nghĩa của Hộ Pháp. Ba giải thích hơn kém, suy nghĩ có thể biết.

**Sớ:** Các thọ có thể có tức thông quả tâm.

Các lạc xả thọ khác được có khinh an, nói tức thông quả là chỉ cho tâm của hữu.

**Sớ:** “Nếu vậy tử thiết” đến “làm sao thông”.

Hiện bày thông quả mới có khinh an, lý chẳng phải khéo đúng, có lỗi nêu bày nhau.

**Sớ:** “Khổ căn tuy gọi là Vô lậu” đến năm thức không đồng thời”.

Năm thức không đồng thời, có hai nghĩa: Một là cả năm không cùng khinh an đồng thời, do vì có khổ. Hai là chỉ có khổ thọ tương ứng, không đồng thời chẳng phải các xả lạc không chấp nhận đồng thời. Giải thích trước trội hơn. Cho nên số ở sau nói, nhưng thật ra Bồ-tát chỉ trừ khổ thọ. Nếu chuẩn theo giải thích sau để hiện bày Bồ-tát cả năm đều có đã xong, nhưng đoạn văn nói “thật ra” lẽ nào không phải dài dòng dư thừa? Nên biết giải thích trước hay hơn.

**Sớ:** Bất đoạn trái văn.

Trái với báo ác thú của Đối Pháp luận đều là văn kiến đạo.

**Sớ:** Thiện nhiệm hai nhân đều gọi là đoạn.

Tổng đứng về nhân quả đều được tên đoạn. Đứng về bốn nghĩa đoạn có nói riêng rất rõ. Như ở sau, và trong Nghĩa Đăng nên ở đây không dẫn.

**Sớ:** Không sinh gọi là đoạn nhân ấy cũng đoạn.

Căn cứ không sinh cho nên dùng giải thích nghĩa đoạn, nhân của Vô tướng thiên nhập kiến gọi là đoạn vì hằng không sinh.

**Sớ:** Bách Pháp v.v... nói.

Bách pháp hiển si thông với lợi độn, cho nên để độn lợi hai hoặc trung gian, trong Duy thức nói si là bất thiện căn, cho nên tham, sân ở sau, mạn đồng với trên nêu bày.

**Sớ:** Ái Phật tham diệt đều nhiễm ô tổng thâu nhiếp.

Có nghĩa nay giải thích chẳng phải là pháp chấp. Nếu không chấp chặt chỉ khởi hân cầu, đây đã là thiện tâm không thể gọi chấp, có thể đồng với Hữu bộ gọi là thiện pháp dục. Nếu khởi nhiễm ái là phiền não tham.

**Biện rằng:** Như gọi là khởi nghĩa, đã nói tham Phật lẽ nào có pháp tham chẳng phải là nhiễm chấp gọi là thiện ư? Nếu chỉ hân cầu không khởi nhiễm chấp, thì ai nói các tên này là tham? Lại ai không biết là thiện pháp muốn lao nhọc thành phân biệt?

**Luận:** Nghĩa là do sức ái thủ uẩn sinh.

Giải thích tham này, Thánh giáo chẳng phải một, đại ý Vô Trước chỉ rộng lược có hơi khác. Bởi ý tác giả ý lấy bỏ không đồng, nay dẫn có khác muốn đồng ràng buộc không thủ. Hiển Dương quyển 1 ghi: Nghiệp có năm năng chướng, không tham làm nghiệp. Chướng đắc Bồ-đề tư lương viên mãn là nghiệp, tổn hại tự tha là nghiệp, năng thủ ác đạo là nghiệp, tăng trưởng tham dục là nghiệp. Các sân các nghiệp đều có năm loại, trước sau hai pháp sai biệt, trong ba pháp đều đồng, suy nghĩ nên rõ. Trong quyển 55, tham do mười việc sinh.

1. Thủ uẩn
2. Các kiến
3. Chưa được cảnh giới
4. Đã được cảnh giới
5. Đã thọ dụng cảnh giới quá khứ
6. Ác hành
7. Nam nữ
8. Thân hữu
9. Tư cụ
10. Hậu hữu, vô hữu

**Luận:** Thế nào là sân v.v...

Trong quyển 55, do mười việc sinh.

1. Thân mình.
2. Thương yêu hữu tình
3. Không thương yêu hữu tình
4. Oán thân quá khứ
5. Oán thân vị lai
6. Oán thân hiện tại
7. Không thể nhớ cảnh
8. Ganh ghét
9. Quen tập từ trước
10. Tha kiến.

Lại trong quyển 58 nói, nghĩa là có bốn loại, đủ như trong số có nêu bày, lược làm hai giải thích:

1. Tổn tự tha kiến.
2. Tổn tự tha hữu tình.

Trong tổn tự có hai: một là tổn mình, hai là tha kiến tha hữu tình.

Hai pháp còn có thể biết.

**Sớ:** Độc đầu vô minh mê lý v.v...

Hỏi: Quyển 5 trước nói, Độc hành vô minh có hai loại: nghĩa là

chủ, phi chủ, phi chủ vô minh thông ở kiến tha, vì sao nay phán phân chỉ có mê lý ư?

Đáp: Cũng đúng, Du-già là chủ giả thuyết. Trong quyển 58 ghi: Lại vô minh này bao gồm có hai loại: một là phiền não triền tượng ứng, hai là độc hành, nếu vô tham v.v.. các phiền não ràng buộc nhưng khổ ở trong các đế cảnh, lực không như lý tác ý cho nên sĩ phu độn tuệ không lựa chọn như thật. Tánh của tâm sở ngăn che trói buộc, ám muội v.v.. gọi là độc hành vô minh. Lại phi chủ là phần nhiều mê lý, từ phần nhiều mà nói, do trong số này không nói “duy chỉ”.

**Sớ:** “Bác không tà kiến” đến “các tạp nhiễm”.

Có thuyết nói, tà kiến bao gồm hiển bày năm kiến. Nếu nói tà định chỉ có hiển bày tà kiến, còn bốn kiến vì sao không nói? Nếu nói, vì sao sau tà kiến nêu độn lợi?

Lại trong Tạp Tập ghi: Tà quyết định nghĩa là trí điên đảo, mà tổng tướng nói thì không nói tà kiến, nên biết tà định đồng với luận thông cả năm pháp. Có nghĩa chống chế rằng: Sớ không có lỗi, tà kiến phần nhiều do nghi hoặc sinh, nên tà định nói chỉ nói tà kiến, còn các kiến đồng. Giới cấm thủ v.v... lập vô si nhưng cũng sinh, cho nên ở đây không nói.

**Biện rằng:** Lại chống chế thêm: Sớ nói tà kiến nói thông bao hàm năm kiến, kiến không chánh cho nên có tên tà. Hỏi: Giáo nào làm chứng? Đáp: Luận Du-già quyển 58 ghi: Tà kiến là tất cả đảo kiến ở việc sở tri điên đảo mà chuyển được tên tà kiến, phải biết kiến này lược có hai loại: một là Tăng ích, Tát-ca-da v.v... bốn kiến; hai là Tổn diệt, các chấp chê bai nhân quả, cũng như Tạp Tập điên đảo trí nói bao quát ở năm kiến. Sớ nếu không đặt để tà kiến mà nói, thì sợ hoặc là không biết tà định nhân ở nơi kiến. Nếu năm cách nói sai khác lại ràng buộc ở ngôn luận, chỉ nói là tà kiến. Văn đứng về yếu chỉ để nói, lý vốn không có lỗi. Lại quyển 58 ghi: Có bốn loại vô minh, nếu ở trong nghĩa không thấy nghe hay biết, những điều không biết gọi là vô giải ngu. Nếu ở trong nghĩa thấy nghe hay biết sở tri, tán loạn thất niệm đã không có trí gọi là phóng dật ngu. Đối với tâm điên đảo không có trí gọi là nhiệm ô ngu, tâm sở hữu không điên đảo vô trí gọi là bất nhiệm ô ngu.

Giải thích: Bốn thứ điên đảo các hoặc tương ứng vô minh gọi là nhiệm ô, sở tri chướng gọi là bất nhiệm ô. Đối với Nhị thừa nói lại có các giải thích khác, như Du-già sao.

**Sớ:** Hoặc xa từ căn bản mà nói.

Đối Pháp luận nói, y chỉ Tát-ca-da-kiến tâm cao ngạo làm thể, là

căn cứ gốc mà nói.

**Luận:** “Mạn này sai khác” đến “ngã đức xứ sinh”.

Hỏi: Ba phẩm, ngã, đức hợp có năm việc. Xét luận Du-già quyển 55, bảy mạn y sáu sự, bốn pháp trước đồng với đây, năm đã được hay chưa được điền đảo? Sáu công đức điền đảo, vì sao không đồng?

Đáp: Đây thì hợp, kia thì khai, đức phân làm hai loại nên không trái nhau.

Hỏi: Lại luận ấy ghi: Phải biết hai mạn y thắng hữu tình sự sinh, còn lại mỗi loại y một sự. Giải thích rằng, hai nghĩa là ty mạn và mạn quá mạn, năm uẩn đối với nó vì sao lại khác?

Đáp: Trình bày năm uẩn, trong Du-già chỉ bày sơ lược. Lại mạn có hai, cho nên quyển 58 ghi: Mạn lược có hai, nghĩa là loạn, không loạn. Không có hoặc loạn nghĩa hạ liệt chấp mình là thù thắng, đối với ngang bằng lại chấp ngang bằng mà sinh kiêu mạn, hoặc loạn mạn nghĩa là sáu mạn khác. Lại do thọ dụng thấp kém tư cụ tự cho rằng tôn quý gọi là hoặc loạn mạn, hoặc do thọ dụng thắng diệu tư cụ tự cho phú lạc gọi là không mạn loạn, cũng do tà hạnh nghĩa là sau có thù thắng gọi là hoặc loạn, hoặc do chánh hạnh nghĩa là sau có thù thắng gọi là không hoặc loạn.

Hỏi: Đối với liệt cho là thắng, đối với ngang bằng cho là bằng, đây là xứng với cảnh biết, không có cao ngạo, vì sao gọi là mạn?

Đáp: Thuận Chánh Lý ghi: Như vậy tuy thật liệt v.v... xứ sinh nhưng hay khiến tâm cao ngạo nhiễm não gọi là mạn phiền não, đối với lý có lỗi gì? Lại trong Chánh Lý luận tà, tăng thượng mạn đều làm hai giải thích, tăng thượng có hai:

1. Chưa chứng được thù thắng, trong đức cho là đã chứng đắc.
2. Đối với chứng ít, trong đức cho là đã chứng nhiều.

Tà mạn có hai:

1. Các ác hành gọi là không đức, họ thành pháp này cho là đã có công đức thù thắng rất ghét cao ngạo.
2. Tức như trước đều không nói có.

Nhưng tức nghĩa Đại thừa không đồng suy nghĩ có thể biết, mạn v.v... các nghĩa đủ như trong Nghĩa Đăng.

**Luận:** Thế nào là nghi?

Hỏi: Du-già quyển 58 nói, phải biết nghi này lược do năm tướng sai biệt kiến lập, nghĩa là ở đời khác, tác dụng nhân quả, các đế, trong thật ôm lòng do dự, trong này vì sao chỉ nói đế lý?

Đáp: Tức trong đế này nhiếp hết năm pháp ấy.

Hỏi: Tướng nhiếp thế nào?

Đáp: Thật diệt đạo tổng thân nhiếp. Tác dụng nghĩa là nghiệp tức là nhân ấy, cho đến quá khứ tập đế nhiếp. Tổng tướng mà nói quá khứ là nhân hiện tại, vị lai và quả khổ đế sở nhiếp, nên Tạp Tập luận quyển 1 ghi: Đế do dự cũng thuộc về thật do dự, tùy sở ứng mà diệt đạo đế nhiếp.

**Luận:** Do dự giản trạch nói là nghi.

Tức luận Du-già quyển 8 ghi: Nghĩa là thân cận trượng phu bất thiện, nghe phi chánh pháp, tức đối với việc sở tri chỉ có dụng phân biệt dị giác làm thể.

**Luận:** Nghĩa là người ác kiến thọ khổ nhiều.

Có nghĩa là thọ khổ nhiều thông với khổ của năm nẻo, tất cả khổ quả không đâu mà không do ác kiến sinh. Cho nên trong luận Phật Địa ghi: Nghiệp hoặc và quả tất cả đều do ngã kiến sinh, khắp nơi đều nói, do sức ác kiến nên sinh tử luân hồi không ngừng nghỉ.

**Biện rằng:** Nếu thông năm nẻo, làm nhân xa của ba khổ, nhưng không có lỗi. Nếu y theo các khổ tam đồ trong Dục giới là cận nhân phát, nay y theo sở để biện. Nhưng xem luận này, sở nói là thù thắng, luận nói chiêu lấy khổ, người chiêu lấy khổ là khác.

**Sớ:** Phân biệt câu sinh như luận Hiển Dương quyển 1 nói.

Ý hiển câu sinh, phân biệt hai ngã đều duyên năm uẩn, tức luận ấy ghi: Một Tát-ca-da-kiến, nghĩa là đối với năm lấy uẩn chấp ngã, ngã sở niệm tuệ làm thể, hoặc là câu sinh, hoặc phân biệt khởi.

**Luận:** Kiến này sai biệt có hai mươi câu.

Như trong Đối Pháp, sớ, Nghĩa Đăng tuy dẫn nhưng người đọc vẫn còn khó hiểu, nay lược nói lại. Luận ấy hỏi rằng: Vì sao mười lăm là ngã sở kiến, vì tương ứng ngã sở, tùy chuyển ngã sở, vì không lìa ngã sở. Tương ứng ngã sở, nghĩa là ngã có sắc, do ngã cùng với nó tương ứng nên nói có nó. Tùy chuyển ngã sở, nghĩa là sắc thuộc ngã, nếu nó do sức tự tại chuyển này, hoặc xả hoặc chuyển, thế gian nói nó là ngã sở. Không lìa ngã sở, nghĩa là ngã ở trong sắc chấp ấy thật ngã xứ ở trong uẩn biến thể tùy hành. Các uẩn khác đều như vậy.

Hỏi: Ngã cùng ngã sở hành tướng không đồng, vì sao là ngã lại tức là sở?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Như căn trần trong sắc uẩn v.v... sai biệt, vả lại thân làm ngã các sắc là sở.

2. Bàn mỗi mỗi uẩn đều có một ngã ba sở sai biệt, không nói ba



sở tức là đương uẩn sở của ngã, mà là biệt uẩn sở của ngã. Giải thích sau là chính.

Hỏi: Nếu vậy vì sao ngã trụ trong đó biến thể tùy hành?

Đáp: Lại sắc làm sở là thọ v.v... ngã ở trong đó mà trụ.

Hỏi: Sắc thọ v.v... sai biệt vì sao biến thể gọi là tùy hành?

Đáp: Như thuốc ở ống đồng tùy theo hành thể mà lý khắp cũng đâu có lỗi, do đây nói phân biệt hành duyên uẩn v.v..., hiển bày hai mươi câu, sáu mươi lăm câu có sai biệt.

Hỏi: Phân biệt hành v.v... ai nói?

Đáp: Là Phật pháp bàn, ngoại đạo ấy chấp ngã sai biệt, có bất đồng này khiến học giả biết nói lời đây, cũng chẳng phải ngoại đạo tự nói chấp ngã có hai mươi câu sai biệt, đây là nội bàn ngoại đạo vì khiến biết khắp có xả bỏ.

Sớ: Sáu mươi hai kiến v.v...

Xét trong Đại Trí Độ luận quyển 15 ghi: Thân biên kiến lấy đây làm căn bản, năm uẩn đều có bốn ngã, ngã sở kiến ba đời đều thành hai mươi câu kiến, và thân kiến, biên kiến gốc hai loại hợp thành sáu mươi hai.

Sớ: Lấy gì làm chứng?

Xét quyển 58 ghi: Ngu phu ở trong năm uẩn này khởi hai mươi câu Tát-ca-da-kiến, năm câu ngã kiến, các kiến ngã sở khác, đây gọi là mê khổ Tát-ca-da-kiến. Lại tổng kết rằng: Mười phiền não này đều mê khổ để kiến khổ sở đoạn. Đã nói mê khổ kiến khổ sở đoạn, nên phân biệt hoặc, lý ấy cực thành.

Sớ: Có mười bốn sự không thể nhớ.

Như có người hỏi, mười bốn việc ấy không nên làm giải thích, không có nghĩa lợi nên gọi là không thể nhớ. Mười bốn việc ấy là xét trong kinh Đại Bát-nhã ghi: “Thế giới thường hay vô thường? Vừa thường vô thường hay chẳng thường chẳng vô thường” làm bốn cách. “Thế gian hữu biên hay vô biên” bốn câu. “Như lai sau khi diệt độ là có hay không có, vừa có vừa không, chẳng có chẳng không” làm bốn câu. “Mạng cùng thân một là một, hay khác là một” hợp thành mười bốn.

Sớ: Sáu mươi hai kiến này chỉ có phân biệt khởi.

Xét luận ấy ghi: Biên chấp kiến nghĩa là sáu mươi hai kiến trong các nẻo chấp so lường đời trước các biến thường các luận, một phần thường luận và chấp đời sau các hữu tướng luận, vô tướng luận. Vô tướng luận, phi tướng phi phi tướng luận, đoạn kiến sở nhiếp. Biên chấp kiến, nghĩa là bảy việc đoạn luận, biên chấp kiến này chỉ có phân biệt

khởi, tà kiến phân biệt không đợi nói thành cho nên không chép.

**Sớ:** Văn ấy lại nói, Phạm vương thường v.v...

Luận ấy quyển 58 ghi: Có các kiến vọng chấp Tự tại, Thế chủ, Thích phạm, và các vật loại là thường là hằng, không có biến đổi, tà kiến như vậy cũng mê khổ đế.

**Sớ:** Y hiện tại đến quá khứ.

Tức luận Du-già quyển 87 ghi: Vì sao phải có đời trước sau câu hành? Nghĩa là như có một người khởi tư duy như vậy: Ta từng có ai, ai sẽ có ta? Nay hữu tình này từ chỗ nào đến, ở đây chết rồi sẽ đi về đâu? Lại luận Tỳ-bà-sa quyển 199 nói, nếu y hiện tại khởi chấp phân biệt hoặc gọi là đời trước, hoặc gọi là đời sau, là trước vị lai sau quá khứ, hoặc nhân vị lai, quả quá khứ.

**Luận:** Bốn biến thường.

Hỏi Du-già quyển 6 ghi: Nghĩa là hoặc y ba phẩm Tĩnh lự khởi túc niệm trụ, hoặc y thiên nhân, không nói kiếp số, Hiển Dương, Phạm Võng cũng vậy. Xét trong kinh Trường A-hàm ghi Hoặc có Sa-môn Bà-la-môn v.v... Dùng sức Tam-muội có thể nhớ bốn mươi tám kiếp sự của thành hoại, chúng sinh trong ấy không tăng không giảm thường trụ thường tán. Thứ tư thẳng dùng trí kiến lanh lợi nói tất cả thường vì sao không đồng?

Đáp: Tông chấp đã khác, không phiền hòa hợp, hoặc ngoại đạo chấp phẩm loại không đồng, một nêu bày một chấp, cho nên trong Du-già ghi: “Hoặc y thiên nhân”, đã đặt để hoặc nói chấp chẳng phải một lại nêu bày một. Trong luận Bà-sa đồng biệt chuẩn theo đây nên biết, không đồng không có lỗi. Các luận Du-già không nói kiếp số chỉ lược cho nên nói như vậy. Thế nên quyển 6 ghi: “Như trong kinh rộng nói” nên biết tóm lược. Nói các kiến sai biệt khác, ở đây đã rõ.

Có nghĩa tổng hợp rằng: Trong các luận Du-già y kinh Phạm Võng, nghĩa là sư bản chấp nói y định tâm, do Y sư ca v.v... vốn là tiên thượng cổ, do được ngũ thông không như thật biết mà khởi chấp. Luận Tỳ-bà-sa y kinh A-hàm thông bản mật chấp nói y tán tâm. Các hàng hậu học y theo trước truyền thọ riêng khởi chấp. Hai kinh nêu lược, nghĩa không có lỗi.

**Sớ:** Đại chủng thường vô thường v.v...

Hỏi: Đã không nói ngã, vì sao thuộc biên mà chẳng phải sau ngã?

Đáp: Văn tuy không nói, lý thật là chấp uẩn ngã ấy nên khởi chấp này, vì vậy thuộc về biên.

**Sớ:** “Toàn thường” đến “vì sao toàn thường”.

Cũng có bản nói, như toàn thường trước, số đã không đồng, lược có ba giải thích:

1. Nên nói như thế nào? Như thế nào tức là nghĩa tùy chỗ nào, tùy chỗ nào toàn thường đều có tự ngã.

2. Nên nói như bốn, như bốn trong toàn thường đều có tự ngã.

3. Nên nói như trước, như trước thường nói tổng kết chỉ như trước.

Cả ba đều có lý nên theo nhiều bản.

**Sớ:** “Một biên kiến” đến “là kiến nào”.

Có giải thích rằng, một biên kiến duyên trên dưới sinh, thuộc về văn trước là không đúng, đây thuộc văn sau, lập lại để làm lời hỏi duyên trên là thường, dưới là vô thường, từ nhiều phần mà nói. Trong bốn phần thường, đại chúng cùng với tâm chẳng phải trên dưới, hoặc y Phạm bản mà nói là trên không có lỗi, nhưng thiếu nghĩa dưới.

**Sớ:** “Đây tuy phi đoạn” đến “là nhiễm tuệ”.

Giải thích chẳng phải vô thường đều gọi là đoạn kiến, bác ở sau hằng không có mới gọi là đoạn kiến, nên đây là phi đoạn.

Hỏi: Duyên vô thường dưới cùng duyên thường trên, hai kiến đồng thời ư?

Đáp: Không đồng thời, không có trong một tâm mà có hai tuệ.

**Sớ:** Đây đều là ngã v.v...

Tổng chấp năm uẩn mà làm một ngã, lại không có sai khác, uẩn không đâu mà không biến khắp, như kế đến gọi là kiến mãn, không hai, không khác, không thiếu.

**Sớ:** Ngã có sắc v.v...

Tức có sắc ngã có tướng ấy nên gọi là hữu tướng.

Hỏi: Đã nói sau khi chết nhưng có ở tướng, lại đứng về địa vì sao được nói là ngã có đối với tướng gọi là có tướng ư?

Đáp: Do sau khi ngã có tướng tùy theo sinh xứ gọi là có tướng, chẳng phải thời nay không có sau mới có, nếu không như vậy vô tướng đều chẳng phải nói có tám, không nên mỗi thứ đều có tám.

**Sớ:** Hai ngã Vô sắc v.v...

Hỏi: Bốn Vô sắc uẩn đều làm một ngã, là biệt là đồng?

Đáp: Biệt chấp có bốn.

Hỏi: Nếu vậy tướng uẩn làm ngã vì sao được nói ngã có tướng, ắt có ở nơi khác mới gọi là có?

Đáp: Có tướng dụng ấy gọi là có tướng.

**Sớ:** Một tướng ở trước ba Vô sắc v.v...

**Hỏi:** Vì sao gọi là một?

**Đáp:** Chỉ có một ý thức, còn năm loại khác không có. Nên luận

Bà-sa ghi: Do các tướng ấy một môn chuyển cho nên gọi là một tướng.

**Sớ:** Các loại tướng ở Dục sắc giới v.v...

Thế nên luận Bà-sa ghi: Do các tướng ấy bốn sáu môn chuyển và duyên các loại cảnh giới để khởi.

**Sớ:** “Thuần có khổ” đến “tâm tứ đều là khách được khởi”.

Do y Đẳng chí mà có thể khởi thông, thấy khổ vui v.v... mà sau khởi chấp, người y tâm tứ nương giáo thuyết của tà sư, thích những việc vui ở chỗ sai biệt, đồng chấp mà sinh, hoặc thấy những khổ vui hiện đời, nhân này họa vẽ luận chấp mà khởi, đời này đã khổ, đời khác cũng vậy, những việc vui cũng vậy.

**Luận:** Vô tướng đều chẳng phải mỗi loại có tám luận.

**Hỏi:** Vì sao hữu tướng có đủ mười sáu, vô tướng đều chẳng phải đồng thời, trừ tám pháp sau?

**Đáp:** Tám loại sau ít lạc, nói đều là hữu tướng, cho nên vô tướng không có, tướng lại minh lợi, đều chẳng phải cũng thiếu.

**Sớ:** Thấy người khác đặc định v.v...

**Hỏi:** Vì sao hữu tướng không nói thấy người khác đặc định sinh v.v...

**Đáp:** Vô tướng xứ có một, cho nên cần phải thấy người khác thì mình mới sinh chấp, hữu tướng thì không như vậy, đâu được làm ví dụ, hoặc ảnh hiển, không bằng giải thích trước.

**Sớ:** Đẳng chí, tâm tứ đều khách đồng khởi.

Xét luận Bà-sa ghi: Các tâm tứ là chấp sắc làm ngã, thấy hoặc có lúc ngủ say, muộn tuyệt, khổ thọ bức bách hoàn toàn không có tướng, lại khởi niệm như vậy: “Ta tuy có sắc, mà không có tướng ấy, như ở đời này đời khác cũng vậy, do đây nên nói sau khi chết không có vô tướng”, chuẩn theo đây chưa hẳn chấp sinh vô tướng mới gọi là vô tướng, cùng với đặc định trước chấp vô tướng sai biệt, trước có các khổ cũng chuẩn theo đây nên biết.

**Luận:** Đều chẳng phải tám.

Nêu bày như trong sớ. Xét luận Bà-sa lược lấy cốt yếu nói:

Các Tâm từ chấp sắc làm ngã, thấy hữu tình ấy tướng không rõ ràng lại khởi niệm như vậy: “Ta có chẳng phải có tướng chẳng phải vô tướng, như ở đời này đời khác cũng vậy”, chẳng phải do họ nhất định có thể khởi chấp này vì sao? Muốn lia nhiễm vô sở hữu xứ, mới chấp

phi tướng phi phi tướng xứ các uẩn làm ngã, nó đã Vô sắc, lý chấp này không, có nghĩa y biệt nói được định ấy cũng có chấp này, nghĩa là sinh ham muốn sắc đã lìa nhiễm vô sở hữu xứ, chấp phi tướng phi phi tướng xứ ấy các uẩn làm ngã, sở chấp ngã ấy thể tuy chẳng phải sắc, nhưng cùng sắc hợp gọi là có sắc ngã. Như nói người giống nhau, thể của mỗi người có giống nhau, nó tuy không chấp dùng sắc làm ngã, nhưng sở chấp ngã chưa lìa sắc, nhấn đến mạng chung vẫn còn tùy thân, nên nói có sắc. Do chỗ nhập định tướng không rõ ràng, nên chấp ngã hiện, chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng, sau khi chết cũng vậy, thừa nhận Vô sắc giới cũng là có sắc. Họ thừa nhận có chấp phi tướng phi phi tướng xứ, ngã thật có sắc mà chẳng phải có tướng cũng chẳng phải vô tướng, cả hai được định ấy, chấp phi tướng phi phi tướng xứ ấy các Vô sắc uẩn lấy đó làm ngã, hoặc làm ngã sở sở chấp ngã ấy Vô sắc làm tánh hoặc có ngã Vô sắc. Do nhập định tướng không rõ ràng, chấp ngã hiện chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng, sau khi chết cũng vậy. Các tâm tứ chấp Vô sắc là ngã, nó thấy hữu tình tướng không rõ ràng, lại khởi niệm như vậy: “Ta không có sắc, chẳng có tướng, chẳng phải vô tướng”. Trong câu thứ ba có ba đoạn, ban đầu chỉ có trong tâm tứ thừa nhận y định, sau thừa nhận có sắc, tất cả dụ đều đồng câu đầu.

**Sớ:** Một là do khi định ấy thời phần ngắn.

Do thời ngắn nên tùy duyên một uẩn gọi là mỗi mỗi, nên sau khởi mới được tên hữu biên, còn lại chuẩn theo đây nên biết.

**Luận:** Bảy đoạn diệt.

Đủ như trong số có nói. Lại trong kinh A-hàm ghi: Có vị Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, khởi luận như vậy:

1. Thân ta là bốn đại từ cha mẹ sinh, bú mớm nuôi dưỡng nhưng là vô thường.
2. Nay ta không được gọi là đoạn diệt, ngã Dục giới và chư thiên đoạn diệt không còn.
3. Đây chẳng phải đoạn diệt, Sắc giới hóa sinh, các căn đầy đủ, đoạn diệt không còn, bốn pháp này chẳng phải đoạn diệt, ngã Vô biên không xứ đoạn diệt nhấn đến Phi tướng đều là sau chẳng phải trước lập làm đoạn diệt.

